QU□C H□I

Luốt s□: **32/2004/QH11**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QU□C H□I
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khoá XI, kỳ họp thứ 6
(Từ ngày 25 tháng 10 đến ngày 03 tháng 12 năm 2004)

LUỐT
AN NINH QU□C GIA

Căn cứ vào Hiến pháp n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã đ- ợc sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về an ninh quốc gia.

Ch□ơng I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. ***Phạm vi điều chỉnh***

Luật này quy định về chính sách an ninh quốc gia; nguyên tắc, nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 2. ***Đối t□ợng áp dụng***

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cá nhân, tổ chức n- ớc ngoài, tổ chức quốc tế c- trú, hoạt động trên lãnh thổ n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trong tr- ờng hợp điều - ớc quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập quy định khác thì áp dụng theo điều - ớc quốc tế đó.

Điều 3. ***Giải thích từ ngữ***

Trong Luật này, các từ ngữ d- ới đây đ- ợc hiểu nh- sau:

1. *An ninh quốc gia* là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

2. *Bảo vệ an ninh quốc gia* là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

3. *Hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia* là những hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. *Nguy cơ đe doạ an ninh quốc gia* là những nhân tố bên trong, bên ngoài lãnh thổ Việt Nam có khả năng thực tế gây nguy hại cho an ninh quốc gia của n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. *Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia* là cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và đơn vị nghiệp vụ thuộc lực l- ợng vũ trang nhân dân đ- ợc giao nhiệm vụ chuyên trách làm tham m- u, tổ chức, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

6. *Cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia* là sĩ quan, hạ sĩ quan của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia đ- ợc giao nhiệm vụ chuyên trách làm tham m- u, tổ chức, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

7. *Biện pháp nghiệp vụ* là biện pháp công tác của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia đ- ợc thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. *Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia* là những đối t- ợng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội thuộc danh mục cần đ- ợc bảo vệ do pháp luật quy định.

9. *Nền an ninh nhân dân* là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng n- ớc, giữ n- ớc của toàn dân tộc đ- ợc huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực l- ợng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.

10. *Thế trận an ninh nhân dân* là việc tổ chức, bố trí lực l- ợng bảo vệ an ninh quốc gia và các nguồn lực cần thiết để chủ động bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 4. ***Chính sách an ninh quốc gia***

1. Nhà n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hòa bình, hữu nghị, mở rộng giao l- u và hợp tác với tất cả các n- ớc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

2. Nhà n- ớc có chính sách xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, đối ngoại vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị để bảo đảm an ninh quốc gia.

Điều 5. ***Nguyên tắc hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia***

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà n- ớc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Đặt d- ới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất

của Nhà n- ớc; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực l- ợng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia làm nòng cốt.

3. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh, quốc phòng và đối ngoại.

4. Chủ động phòng ngừa, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm m- u và hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Điều 6. ***Xây dựng lực l□ợng bảo vệ an ninh quốc gia***

1. Nhà n- ớc xây dựng lực l- ợng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng b- ớc hiện đại làm nòng cốt thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

2. Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng lực l- ợng công an xã, dân quân tự vệ, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, bảo vệ dân phố, dân phòng tham gia hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 7. ***Bảo đảm điều kiện cho hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia***

Nhà n- ớc bảo đảm ngân sách và cơ sở vật chất cho các hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia trong mọi tình huống, - u tiên các địa bàn chiến l- ợc, xung yếu, quan trọng về an ninh quốc gia; có chính sách huy động thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 8. ***Trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia***

Bảo vệ an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 9. ***Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia***

1. Nhà n- ớc bảo vệ, giữ bí mật cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực l- ợng chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia có thành tích thì đ- ợc khen th- ởng, bị tổn hại về danh dự thì đ- ợc khôi phục, bị thiệt hại về tài sản thì đ- ợc đền bù; ng- ời bị th- ơng tích, tổn hại về sức khỏe, bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân và gia đình đ- ợc h- ởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 10. ***Tuyên truyền, giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia***

1. Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia.

2. Cơ quan thông tin, tuyên truyền có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao ý thức bảo vệ an ninh quốc gia cho toàn dân.

3. Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, vận động công dân Việt Nam, ng- ời Việt Nam định c- ở n- ớc ngoài bảo vệ an ninh quốc gia.

4. Giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia là một nội dung giáo dục quốc dân. Cơ quan quản lý nhà n- ớc về giáo dục và đào tạo có trách nhiệm đ- a nội dung giáo dục bảo vệ an ninh quốc gia vào ch- ơng trình dạy học trong nhà tr- ờng và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với ngành học, cấp học.

Điều 11. ***Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia***

Nhà n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hợp tác quốc tế đa ph- ơng, song ph- ơng với các n- ớc, các tổ chức quốc tế trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; thực hiện các điều - ớc quốc tế liên quan đến lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 12. ***Chính sách xử lý các hành vi xâm phạm an ninh quốc gia***

1. Mọi hành vi xâm phạm an ninh quốc gia đều phải bị xử lý nghiêm minh, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. Ng- ời chủ m- u, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối thì bị nghiêm trị.

2. Ng- ời bị ép buộc, lừa gạt, lôi kéo nhận làm việc cho tổ chức, cá nhân để hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia mà tự thú, thành khẩn khai báo thì đ- ợc khoan hồng; nếu lập công thì đ- ợc khen th- ởng.

3. Ng- ời n- ớc ngoài có hành vi xâm phạm an ninh quốc gia của Việt Nam ở ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể bị xử lý theo pháp luật của n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tr- ờng hợp điều - ớc quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định.

Điều 13. ***Các hành vi bị nghiêm cấm***

1. Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, khống chế, kích động, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo ng- ời khác nhằm chống chính quyền nhân dân, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chia cắt đất n- ớc, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Nhận nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân để hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tham gia, giúp sức, cung cấp tài chính, vũ khí, ph- ơng tiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

3. Thu thập, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng, tiết lộ, cung cấp, tán phát trái phép tin tức, tài liệu, vật phẩm thuộc bí mật nhà n- ớc.

4. Xâm phạm mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

5. Chống lại hoặc cản trở cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

6. Lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia để xâm phạm lợi ích của Nhà n- ớc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

7. Hành vi khác xâm phạm an ninh quốc gia đ- ợc quy định tại Bộ luật hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

Ch□ơng II

BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA

Điều 14. *Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia*

1. Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

2. Bảo vệ an ninh về t- t- ởng và văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Bảo vệ an ninh trong các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia.

4. Bảo vệ bí mật nhà n- ớc và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia.

5. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, nguy cơ đe doạ an ninh quốc gia.

Điều 15. *Các biện pháp cơ bản bảo vệ an ninh quốc gia*

1. Các biện pháp cơ bản bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ, vũ trang.

2. Nội dung, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này do pháp luật quy định.

Điều 16. *Xây dựng nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân*

1. Vận động toàn dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; giáo dục, động viên cán bộ, công chức, ng- ời lao động và mọi công dân tham gia xây dựng địa ph- ơng, cơ quan, tổ chức vững mạnh; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến l- ợc, chính sách, kế hoạch bảo vệ an ninh quốc gia gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và kết hợp chặt chẽ với xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

3. Tăng c- ờng pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia; xác định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bảo vệ an ninh quốc gia.

4. Xây dựng lực l- ợng bảo vệ an ninh quốc gia vững mạnh; xây dựng các ph- ơng án và tổ chức, bố trí lực l- ợng, ph- ơng tiện cần thiết để chủ động bảo vệ an ninh quốc gia trong mọi tình huống.

Điều 17. ***Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia***

1. Tham gia lực l- ợng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Tố cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, hành vi lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia xâm phạm lợi ích của Nhà n- ớc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia.

4. Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia nơi gần nhất.

5. Thực hiện yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

6. Giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và ng- ời có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Điều 18. ***Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong bảo vệ an ninh quốc gia***

1. Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 14 của Luật này và các quy định khác của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, huy động sức mạnh của cơ quan, tổ chức để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia; đ- a nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia vào ch- ơng trình, kế hoạch và các hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức.

3. Giáo dục, động viên mọi thành viên của cơ quan, tổ chức mình và nhân dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

4. Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia cho cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia hoặc chính quyền nơi gần nhất.

5. Thực hiện yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 19. ***Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong bảo vệ an ninh quốc gia***

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm

vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, động viên nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia; giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia của tổ chức, cá nhân.

Điều 20. ***Bảo vệ an ninh quốc gia khi có tình trạng khẩn cấp, tình trạng chiến tranh***

Khi có tình trạng khẩn cấp, tình trạng chiến tranh, việc bảo vệ an ninh quốc gia đ- ợc thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp, tình trạng chiến tranh.

Hội đồng quốc phòng và an ninh có trách nhiệm động viên mọi lực l- ợng và khả năng của đất n- ớc để bảo vệ Tổ quốc; thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn đặc biệt do Quốc hội giao.

Điều 21. ***Áp dụng một số biện pháp cần thiết khi có nguy cơ đe doạ an ninh quốc gia nh□ng ch□a đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp***

1. Khi có nguy cơ đe doạ an ninh quốc gia nh- ng ch- a đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp, Thủ t- ớng Chính phủ đ- ợc quyết định áp dụng một số biện pháp sau đây:

a) Tăng c- ờng bảo vệ các mục tiêu quan trọng;

b) Tổ chức các trạm canh gác để hạn chế hoặc kiểm soát ng- ời, ph- ơng tiện hoạt động vào những giờ nhất định, tại những khu vực nhất định;

c) Thực hiện kiểm soát đặc biệt tại các cửa khẩu, các chuyến vận chuyển bằng đ- ờng hàng không, đ- ờng biển, đ- ờng thuỷ nội địa, đ- ờng sắt và đ- ờng bộ;

d) Hạn chế hoặc tạm ngừng việc vận chuyển, sử dụng chất cháy, chất nổ, chất độc, hoá chất độc hại, chất phóng xạ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ;

đ) Cấm, giải tán hoặc hạn chế các cuộc tụ tập đông ng- ời và những hoạt động của cá nhân, tổ chức xét thấy có hại cho an ninh quốc gia;

e) Hạn chế hoặc tạm ngừng hoạt động của nhà hát, rạp chiếu phim và nơi sinh hoạt công cộng khác;

g) Kiểm soát việc sử dụng các ph- ơng tiện thông tin liên lạc tại một địa ph- ơng hay khu vực nhất định;

h) Buộc ng- ời có hành vi gây nguy hại cho an ninh quốc gia rời khỏi các khu vực quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng hoặc không đ- ợc rời khỏi nơi c- trú;

i) Huy động nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải chấp hành các mệnh lệnh, quyết định của cơ quan và ng- ời thi hành các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này.

Ch□ơng III

CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA

Điều 22. *Các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia*

1. Các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm:

a) Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị an ninh, tình báo, cảnh vệ Công an nhân dân;

b) Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị bảo vệ an ninh quân đội, tình báo Quân đội nhân dân;

c) Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển là cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới trên đất liền và khu vực biên giới trên biển.

2. Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, phạm vi trách nhiệm hoạt động và quan hệ phối hợp của các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này do pháp luật quy định.

Điều 23. *Nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia*

1. Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 14 của Luật này.

2. Các nhiệm vụ cụ thể của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia:

a) Tổ chức thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình và đề xuất các chủ tr- ơng, giải pháp, ph- ơng án bảo vệ an ninh quốc gia;

b) H- ớng dẫn, kiểm tra cơ quan, tổ chức và công dân thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà n- ớc, xây dựng cơ quan, đơn vị an toàn, xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc;

c) Tổ chức, chỉ đạo công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia;

d) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào công tác bảo vệ an ninh quốc gia;

đ) Thực hiện hợp tác với các n- ớc, các tổ chức quốc tế theo điều - ớc quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập trong phòng, chống hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

Điều 24. *Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia*

1. Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia đ- ợc quyền:

a) Sử dụng các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật khi có căn cứ xác định liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia;

c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức tài chính, kho bạc, ngân hàng kiểm tra, phong toả tài khoản, nguồn tài chính liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức b- u chính, viễn thông, hải quan bóc mở hoặc giao th- tín, điện tín, b- u phẩm, b- u kiện, hàng hoá để kiểm tra khi có căn cứ xác định trong đó có thông tin, tài liệu, chất nổ, vũ khí, vật phẩm khác có nguy hại cho an ninh quốc gia;

đ) Kiểm tra ph- ơng tiện giao thông, ph- ơng tiện thông tin, máy tính, mạng máy tính, đồ vật, tài liệu, hàng hoá, chỗ ở, nơi làm việc hoặc các cơ sở khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có căn cứ xác định liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia;

e) Tr- ng dụng theo quy định của pháp luật ph- ơng tiện thông tin, ph- ơng tiện giao thông, ph- ơng tiện khác và ng- ời đang sử dụng, điều khiển ph- ơng tiện đó trong tr- ờng hợp cấp bách để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra;

g) Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc sử dụng ph- ơng tiện thông tin liên lạc hoặc các hoạt động khác trên lãnh thổ Việt Nam khi có căn cứ xác định các hoạt động này gây nguy hại cho an ninh quốc gia; yêu cầu ngừng các chuyến vận chuyển bằng các loại ph- ơng tiện giao thông của Việt Nam hoặc các ph- ơng tiện giao thông của n- ớc ngoài trên lãnh thổ Việt Nam để bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm an toàn cho các ph- ơng tiện đó;

h) □p dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ ng- ời cộng tác, ng- ời tố giác, ng- ời làm chứng, ng- ời bị hại trong các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia.

2. Thủ tr- ởng cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia quyết định việc sử dụng các quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo thủ tục, thẩm quyền do Chính phủ quy định và chịu trách nhiệm tr- ớc pháp luật về các quyết định của mình.

3. Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia có trách nhiệm:

a) Tiến hành các hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ lợi ích của Nhà n- ớc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trong tr- ờng hợp vì yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia phải hạn chế các quyền và lợi ích đó thì phải đ- ợc ng- ời có thẩm quyền quyết định;

c) Giữ bí mật về sự giúp đỡ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với công tác bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 25. ***Quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia***

1. Cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia trong khi thực hiện nhiệm vụ đ- ợc quyền:

a) Thực hiện các quyền quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này theo quyết định của ng- ời có thẩm quyền của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia;

b) Giữ bí mật về nhân thân, lai lịch, nhiệm vụ và ph- ơng tiện thực hiện nhiệm vụ;

c) Miễn thủ tục hải quan đối với tài liệu, ph- ơng tiện nghiệp vụ mang theo khi nhập cảnh, xuất cảnh qua biên giới, cửa khẩu;

d) Xuất trình giấy chứng minh an ninh trong tr- ờng hợp cần thiết để yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân giúp đỡ.

2. Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà n- ớc, các quy tắc nghiệp vụ chuyên môn, kỷ luật của lực l- ợng vũ trang nhân dân và chịu trách nhiệm tr- ớc pháp luật về những việc làm của mình.

Điều 26. ***Trang bị và sử dụng vũ khí, ph□ơng tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ của cán bộ, chiến sĩ cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia***

Cán bộ, chiến sĩ cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia đ- ợc trang bị và sử dụng vũ khí, ph- ơng tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 27. ***Chế độ quản lý thông tin, tài liệu, đồ vật về bảo vệ an ninh quốc gia***

1. Thông tin, tài liệu, đồ vật liên quan đến cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia hoặc do cơ quan này thu thập đ- ợc thuộc bí mật nhà n- ớc và đ- ợc quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà n- ớc.

2. Thông tin, tài liệu, đồ vật quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị lịch sử, khoa học và công nghệ đã đ- ợc công bố theo quy định của pháp luật thì có thể đ- ợc chuyển giao cho cơ quan l- u trữ nhà n- ớc quản lý.

Điều 28. ***Chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia***

Cán bộ, chiến sĩ cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia đ- ợc tuyển chọn, bồi d- ỡng, đào tạo, đ- ợc phong, thăng hàm, cấp lực l- ợng vũ trang nhân dân và h- ởng chế độ, chính sách - u đãi theo quy định của pháp luật.

Ch□ơng IV

QUẢN LÝ NHÀ N□ỚC VỀ AN NINH QUỐC GIA

Điều 29. ***Nội dung quản lý nhà n□ớc về an ninh quốc gia***

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến l- ợc, chính sách, kế hoạch, ph- ơng án bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm điều kiện cần thiết cho hoạt động bảo vệ an ninh

quốc gia; ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia.

2. Tổ chức, chỉ đạo, h- ớng dẫn hoạt động thu thập, phát hiện, điều tra, xử lý thông tin, tài liệu, hành vi liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

3. Chỉ đạo, h- ớng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia.

4. Tổ chức bộ máy, trang bị ph- ơng tiện, đào tạo cán bộ làm công tác bảo vệ an ninh quốc gia; bồi d- ỡng kiến thức bảo vệ an ninh quốc gia cho cán bộ chủ chốt của các cơ quan, tổ chức; xây dựng và tổ chức thực hiện ch- ơng trình giáo dục về bảo vệ an ninh quốc gia; xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia.

5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia.

6. Hợp tác quốc tế về bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 30. ***Thống nhất quản lý nhà n□ớc về an ninh quốc gia***

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà n- ớc về bảo vệ an ninh quốc gia.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm tr- ớc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà n- ớc về bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 31. ***Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lý nhà n□ớc về an ninh quốc gia***

Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tr- ớc Chính phủ phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà n- ớc về bảo vệ an ninh quốc gia; chỉ đạo các lực l- ợng thuộc quyền phối hợp chặt chẽ với lực l- ợng Công an nhân dân và chính quyền địa ph- ơng để bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Quy chế phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Quốc phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia do Thủ t- ớng Chính phủ quy định.

Điều 32. ***Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong quản lý nhà n□ớc về an ninh quốc gia***

Bộ Ngoại giao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định tại Điều 14 của Luật này, các quy định khác của pháp luật có liên quan và phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các cơ quan hữu quan khác để bảo vệ an ninh quốc gia.

Quy chế phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Ngoại giao trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia do Thủ t- ớng Chính phủ quy định.

Điều 33. ***Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý nhà n□ớc về an ninh quốc gia***

Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có

trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định tại Điều 14 của Luật này, các quy định khác của pháp luật có liên quan và phối hợp với các cơ quan hữu quan để bảo vệ an ninh quốc gia.

Điều 34. ***Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà n□ớc về an ninh quốc gia***

Uỷ ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà n- ớc về bảo vệ an ninh quốc gia tại địa ph- ơng; thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Ch□ơng V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. ***Hiệu lực thi hành***

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2005.

Những quy định tr- ớc đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 36. ***H□ớng dẫn thi hành***

Chính phủ quy định chi tiết và h- ớng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã đ□ợc Quốc hội n□ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Văn An